

## Phụ lục I

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /10/2024  
của UBND tỉnh Nam Định)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

### 1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn thải số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh của các tòa nhà khu A trụ sở (gồm: Tòa nhà 1A (10 tầng), tòa nhà 2A (3 tầng), tòa nhà 3A (3 tầng), tòa nhà 4A (2 tầng), khu 21A, 22A (quy hoạch).

- Nguồn thải số 02: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh của các tòa nhà khu B trụ sở (gồm: Tòa nhà 1B (5 tầng), tòa nhà 4B (nhà Công vụ, nhà khách thuộc phần quy hoạch của dự án), tòa nhà 17B (nhà 5 tầng quy hoạch).

- Nguồn thải số 03: Nước thải từ khu vực nhà ăn.

### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

#### 2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Hệ thống cống B500 đường Kênh, phường Lộc Vượng phía Nam dự án.

#### 2.2. Vị trí xả nước thải

- Nước thải sau xử lý được xả vào hệ thống cống B500 đường Kênh, phường Lộc Vượng phía Nam dự án qua 01 cửa xả.

- Tọa độ vị trí xả thải  $X(m) = 2261525.80$ ;  $Y(m) = 569209.57$ .

(Hệ tọa độ VN2000; kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ ; múi chiều  $3^{\circ}$ ).

#### 2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $140 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ .

##### 2.3.1. Phương thức xả nước thải

Toàn bộ nước thải sau xử lý (từ 03 nguồn) đạt quy chuẩn cho phép thải ra hệ thống cống B500 đường Kênh, phường Lộc Vượng phía Nam dự án qua 01 cửa xả bằng phương thức tự chảy.

##### 2.3.2. Chế độ xả nước thải

Gián đoạn trong ngày, không theo chu kỳ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt với nồng độ tối đa cho phép của các chất ô nhiễm trong nước thải được tính theo công thức  $C_{\max} = C \times K$  (Áp dụng hệ số  $K = 1$ ; đối với thông số pH, Coliform thì  $C_{\max} = C$ ), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) $C_{max} = C \times K$	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	Không thuộc đối tượng phải thực hiện
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
3	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000		
4	Sulfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
6	Nitrat NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> (tính theo N)	mg/l	50		
7	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
8	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
10	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/l	10		
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000		

Khi có sự thay đổi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh của các toà nhà khu A trực sở được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn với tổng thể tích 78 m<sup>3</sup>, sau đó theo đường cống D110 chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 140 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh của các toà nhà khu B trực sở được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn với tổng thể tích 60 m<sup>3</sup>, sau đó theo đường cống D110 chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 140 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Nguồn số 03: Nước thải khu vực nhà ăn được thu gom xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ thể tích 12 m<sup>3</sup> sau đó theo đường D110 chảy về hệ thống bể xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 140 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

Toàn bộ nước thải phát sinh xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và thải ra hệ thống cống B500 đường Kênh, phường Lộc Vượng phía Nam dự án qua 01 cửa xả.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Hệ thống xử lý nước thải sơ bộ: Nước thải các khu nhà vệ sinh của các toà nhà được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại và nước thải nhà ăn được thu gom xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ, sau đó thu gom và đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 140 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Chủ dự án đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 140 m<sup>3</sup>/ngày.đêm với quy trình công nghệ xử lý như sau: Nước thải → Hồ gom → Bể điều hòa → Bể vi sinh thiếu khí → Bể vi sinh hiếu khí 1 → Bể vi sinh hiếu khí 2 → Bể lắng lamen → Bể khử trùng → Hồ ga (Nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B)) → Cống B500 đường Kênh, phường Lộc Vượng phía Nam dự án qua 01 cửa xả.

- Công suất thiết kế: 140 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: Javen 480 kg/năm; men vi sinh 2.400 kg/năm; mật ri đường 6.000 kg/năm.

### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2023 của Chính phủ).

### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí cán bộ phụ trách vận hành giám sát hệ thống bể xử lý nước thải, được đào tạo đáp ứng yêu cầu vận hành; theo dõi, ghi chép sổ nhật ký vận hành và tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Khi hệ thống bể xử lý nước thải xảy ra sự cố: Chủ dự án đóng van xả nước thải ra điểm đầu nối vào cống thoát nước chung của thành phố và dừng ngay hoạt động của hệ thống bể xử lý nước thải. Cử cán bộ kiểm tra xác định nguyên nhân sự cố và khắc phục sự cố đảm bảo hệ thống bể xử lý nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt mới tiếp tục xả nước thải vào hệ thống cống thoát nước chung của thành phố.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Tối đa 06 tháng từ Quý IV/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 140 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- 01 mẫu tại hồ gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 140 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- 01 mẫu tại hố ga sau bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 140 m<sup>3</sup>/ngày.đêm trước khi chảy ra vào cống thoát nước chung của thành phố.

### 2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Theo nội dung được cấp phép tại mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

### 2.3. Tần suất lấy mẫu

- Tần suất lấy mẫu quan trắc nước thải: Ít nhất 01 lần/ngày (01 mẫu đầu vào tại bể thu gom và 03 mẫu đầu ra tại hố ga sau bể khử trùng của hệ thống bể xử lý nước thải tập trung công suất 140 m<sup>3</sup>/ngày.đêm trước khi chảy vào hệ thống cống B500, đường Kênh, phường Lộc Vượng, phía Nam dự án trong 03 ngày liên tiếp (theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)).

- Chủ dự án phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Nam Định trong quá trình giám sát vận hành thử nghiệm.

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường

### 3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của dự án.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung quy định tại Khoản 7, Khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này phải thực hiện theo Khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung Giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải vào cống thoát nước chung của thành phố theo Văn bản số 967/UBND-ĐT ngày 27/6/2024 của UBND thành phố Nam Định./.